CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Đầu tư Thương mại SMC

Ngày 28/06/2024	18,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	31.5%	**52.5%**	**77.1%**

DT thuần
Q2/24
2,240
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.0| 0.5%
YoY: ▼1,306| -36.8%

LN thuần
Q2/24
-186
tỷ VNĐ
QoQ: ▼373| -199%
YoY: ▲ 232| 55.6%

LN sau thuế
Q2/24
-114
tỷ VNĐ
QoQ: ▼293| -164%
YoY: ▲ 315| 73.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
-1.8%
YoY: +/-▼ 12.4%

ROE (TTM)
Q2/24
-38.3%
YoY: +/-▲ 14.4%

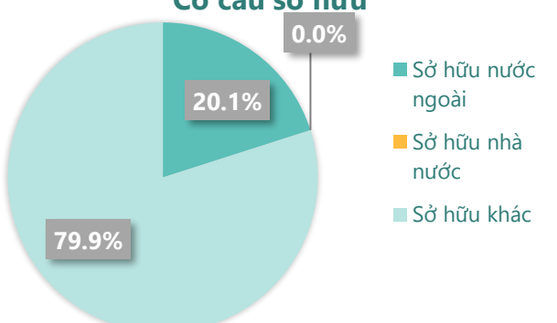
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,060 - 18,150
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,336
Số lượng CPLH (CP)	73,606,837
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,445,890
Sở hữu nước ngoài	20.1%
Beta	0.81
EPS	-5,668
P/E	-3.2

DT thuần
6T 2024
4,469
tỷ VNĐ
YoY: ▼2,964| -39.9%

LN thuần
6T 2024
0.98
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 393| 100%

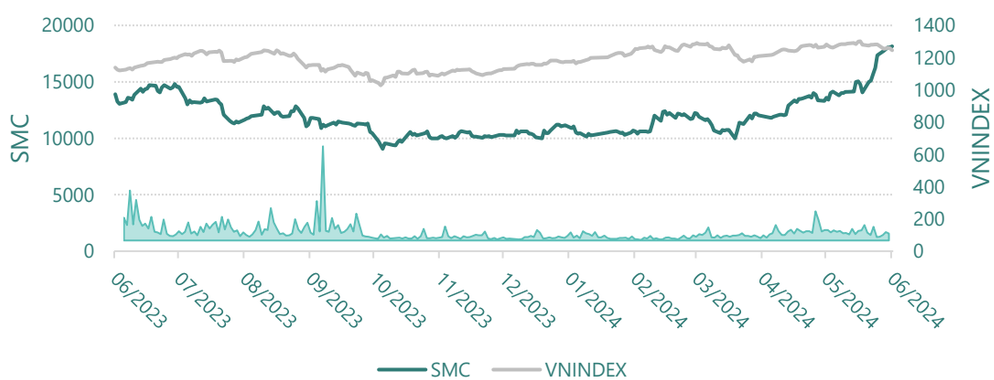
LN sau thuế
6T 2024
65.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 473| 116%

Cơ cấu sở hữu

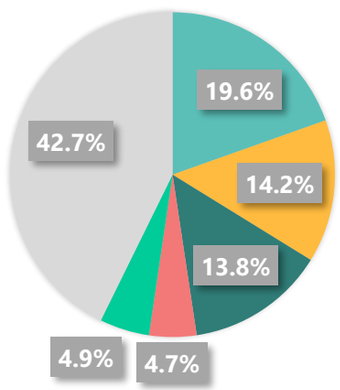


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

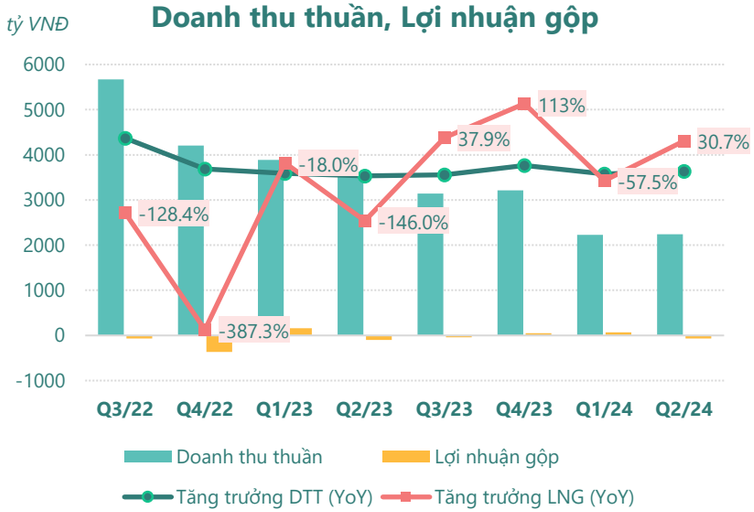


- Hanwa Co. LTD.,
- Nguyễn Thị Ngọc Loan (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Ngọc Anh
- Nguyễn Hữu Kinh Luân (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Cẩm Hà
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

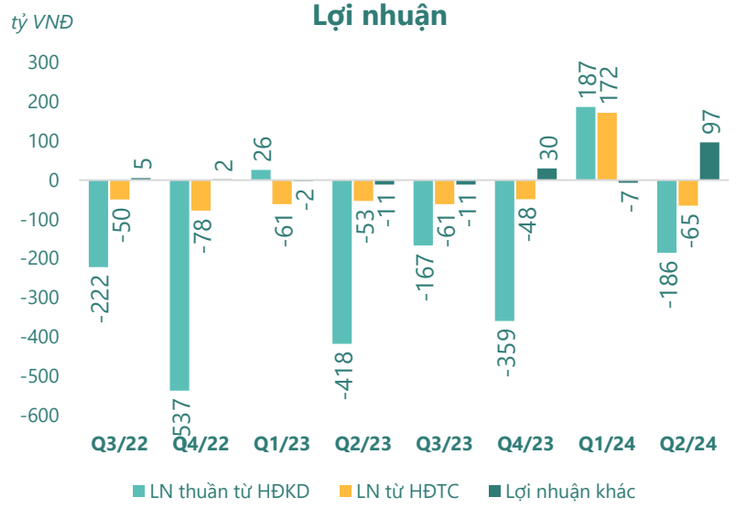
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



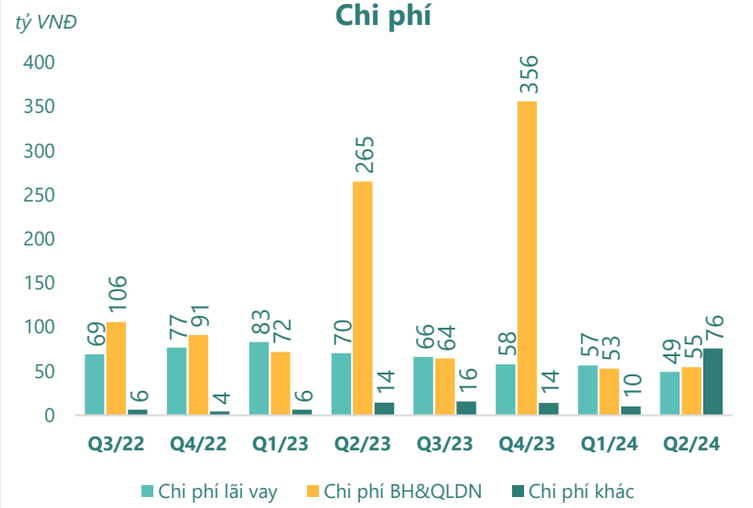
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



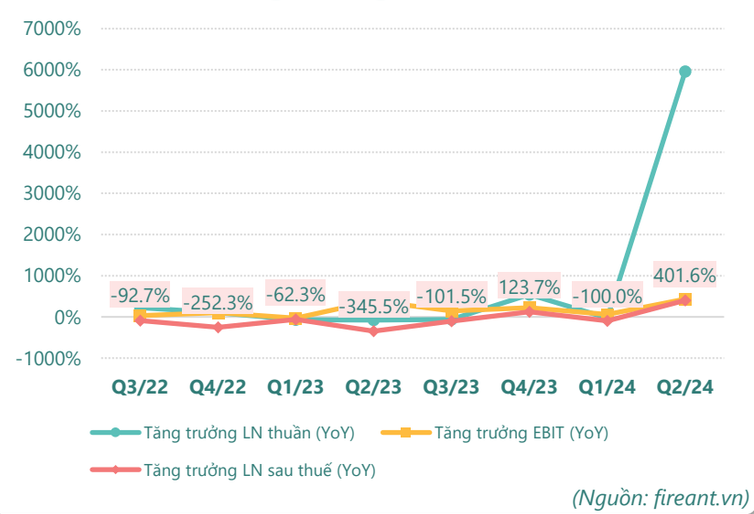
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



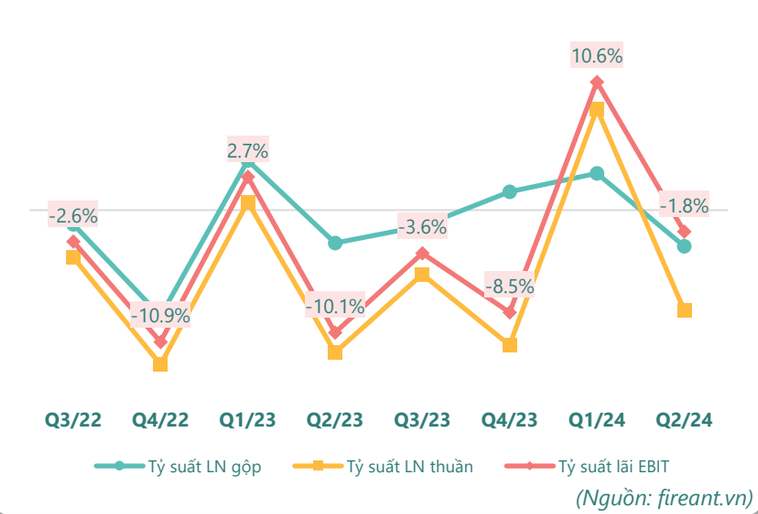
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



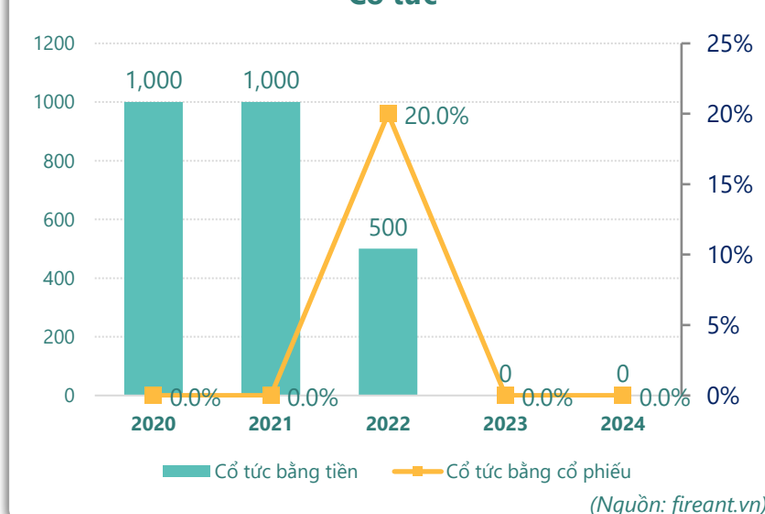
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

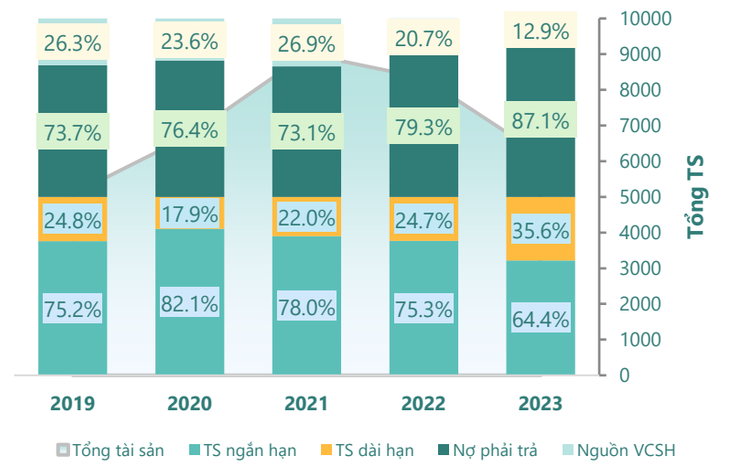
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

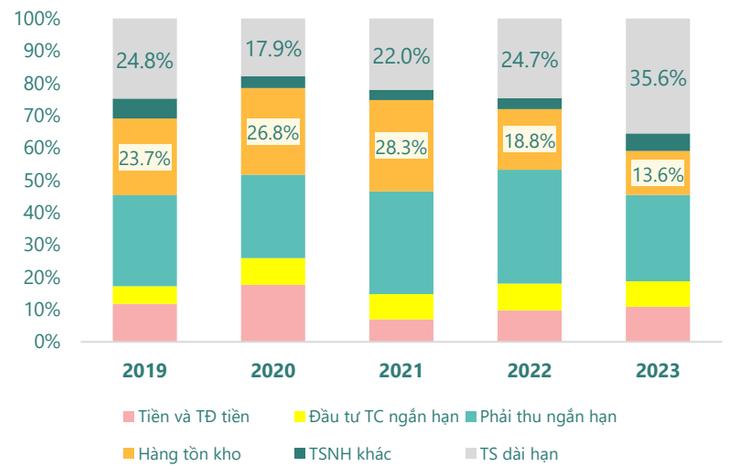
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



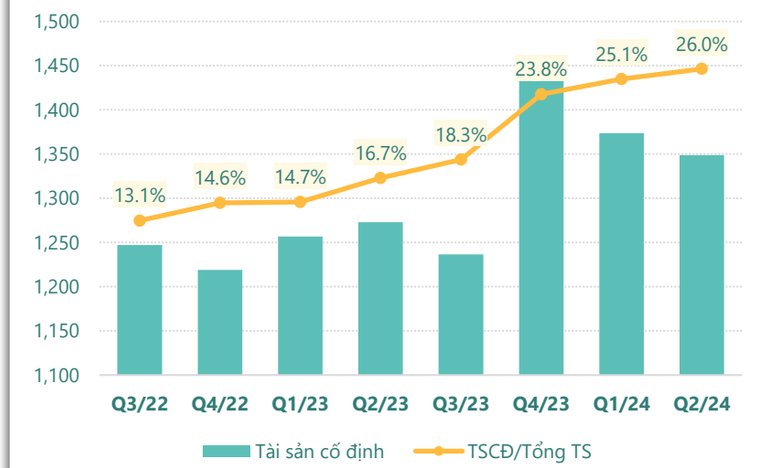
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



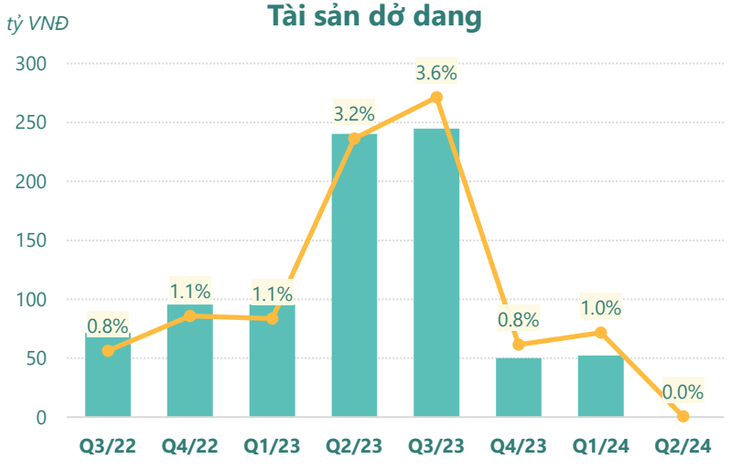
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



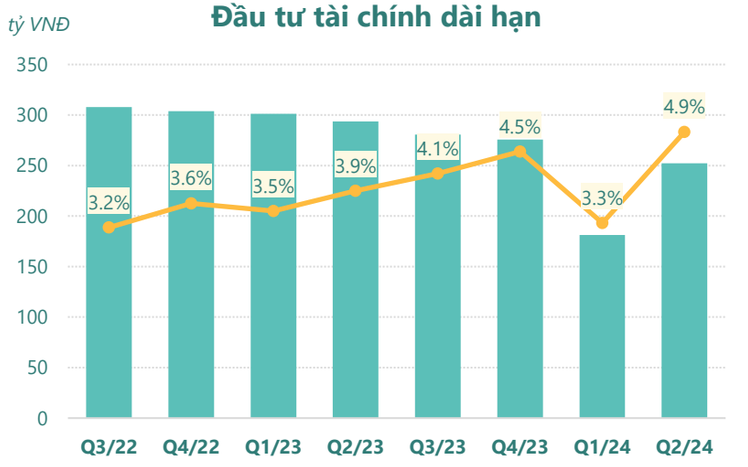
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



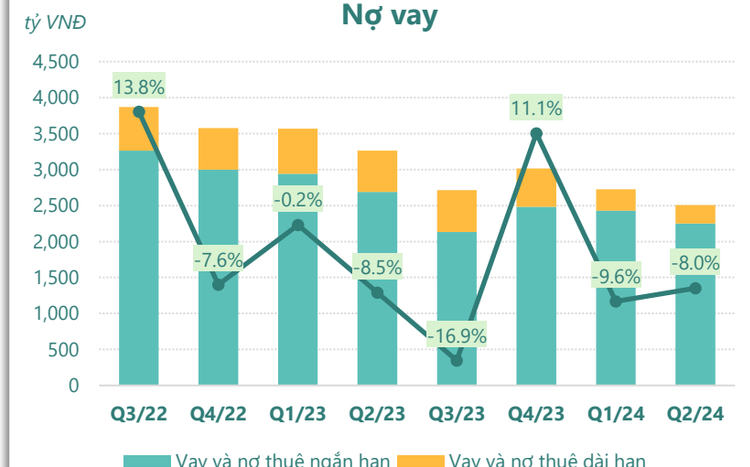
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

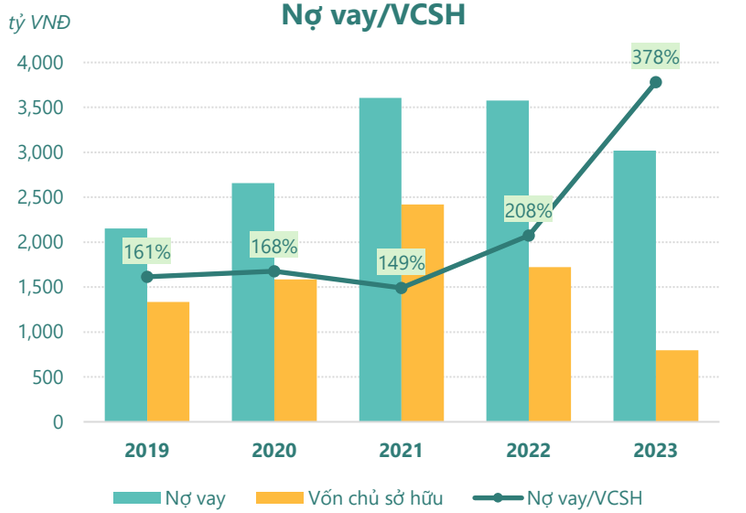
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

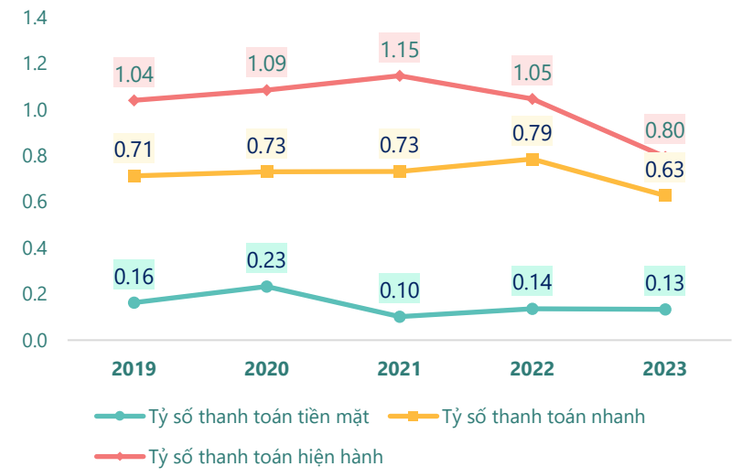
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



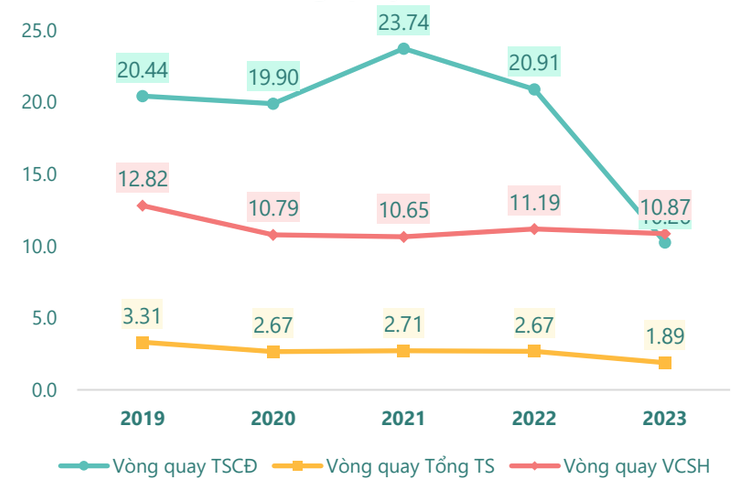
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



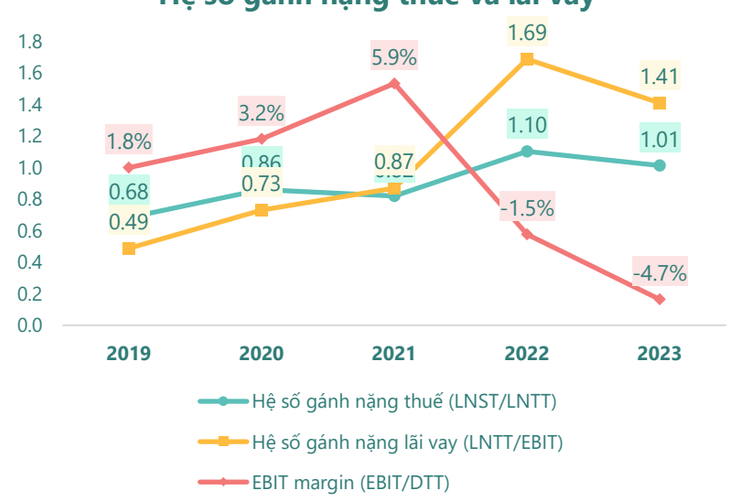
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



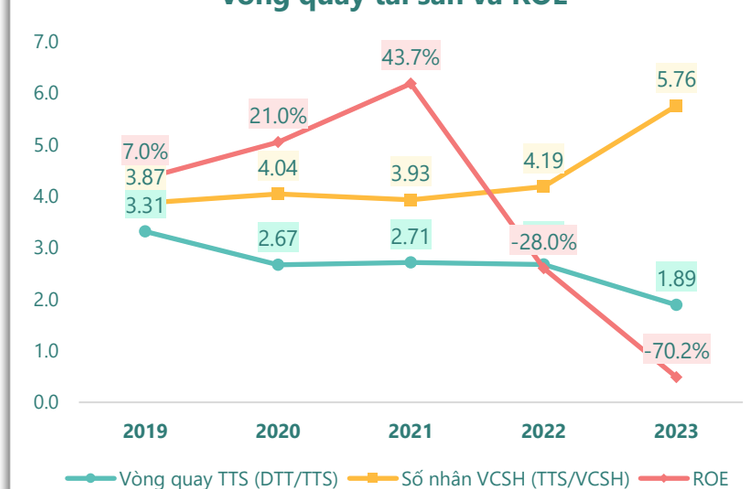
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



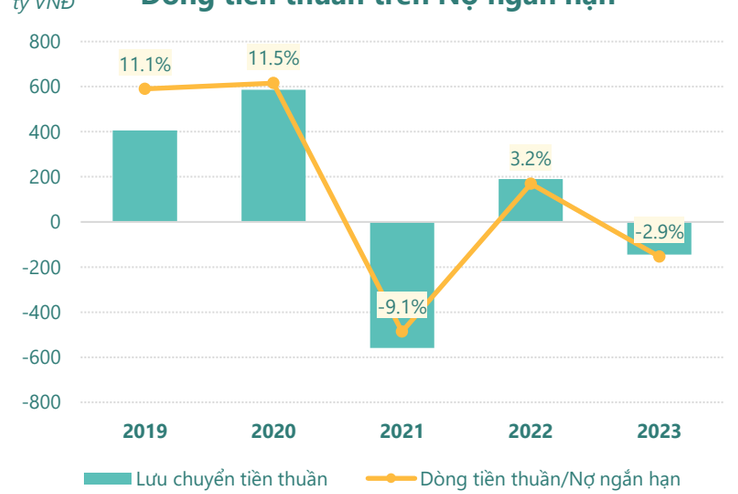
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,240**	**3,546**	**-36.8%**	**4,469**	**7,433**	**-39.9%**
Giá vốn hàng bán	2,307	3,643	-36.7%	4,469	7,371	-39.4%
Lợi nhuận gộp	-67.1	-96.8	30.7%	0.52	62.3	-99.2%
Doanh thu HĐTC	13.0	31.7	-59.0%	340	66.3	412%
Chi phí TC	78.3	85.0	-7.9%	233	181	28.8%
Chi phí lãi vay	49.3	70.4	-30.0%	106	154	-31.0%
LN trong công ty LKLD	**1.34**	**-2.74**	**149%**	**1.34**	**-2.74**	**149%**
Chi phí bán hàng	26.2	34.0	-22.9%	52.2	65.7	-20.5%
Chi phí QLDN	**28.4**	**231**	**-87.7%**	**55.2**	**271**	**-79.6%**
LN thuần từ HĐKD	-186	-418	55.6%	0.98	-392	100%
Lợi nhuận khác	**96.6**	**-11.4**	**947%**	**89.5**	**-13.8**	**748%**
LN trước thuế	-89.0	-429	79.3%	90.5	-406	122%
Lợi nhuận sau thuế	**-114**	**-429**	**73.4%**	**65.3**	**-408**	**116%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-107**	**-406**	**73.7%**	**76.6**	**-385**	**120%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	392	170	603	1,224	30.1	178
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-287	269	-377	-302	442	-80.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-236	-144	-802	-656	-866	-90.9
Tiền đầu kỳ	814	683	978	402	670	277
Lưu chuyển tiền thuần	**-131**	**294**	**-577**	**266**	**-393**	**6.84**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	1.02	1.17	1.13	1.12	0.85
Tiền cuối kỳ	683	978	402	670	277	285

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,193**	**6,179**	**-16.0%**
Tài sản ngắn hạn	3,279	3,982	-17.6%
Tiền và tương đương tiền	285	670	-57.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	491	489	0.4%
Phải thu ngắn hạn	1,467	1,648	-10.9%
Hàng tồn kho	746	841	-11.4%
Tài sản ngắn hạn khác	290	335	-13.2%
Tài sản dài hạn	**1,914**	**2,197**	**-12.9%**
Phải thu dài hạn	34.4	35.6	-3.3%
Tài sản cố định	1,349	1,451	-7.1%
Bất động sản đầu tư	6.66	6.84	-2.7%
Tài sản dở dang	0.41	50.0	-99.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	252	271	-6.9%
Tài sản dài hạn khác	**271**	**382**	**-29.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,330	5,381	-19.5%
Nợ ngắn hạn	**4,032**	**5,007**	**-19.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,251	2,685	-16.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,483	2,010	-26.2%
Nợ dài hạn	298	374	-20.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	256	332	-22.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**863**	**798**	**8.2%**
Vốn chủ sở hữu	**863**	**798**	**8.2%**
Vốn điều lệ	737	737	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)